

Số: /QĐ - KCN

Bắc Giang ngày tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng
tỷ lệ 1/500 (lần 2) dự án Nhà máy công nghệ chính xác FuYu
Địa điểm: Lô F, lô M, khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên,
tỉnh Bắc Giang

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính Phủ quy định về quản lý KCN và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019, số 20/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 691/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang;

Quyết định số 1391/QĐ-BXD ngày 09/10/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Quang Châu, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 9906191086 cấp lần đầu ngày 17/12/2019 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang về việc chấp nhận đầu tư dự án Nhà máy công nghệ chính xác FuYu tại lô F, lô M1 - KCN Quang Châu.

Căn cứ Biên bản thỏa thuận điểm đấu nối Hạ tầng kỹ thuật ngày 20/12/2019 của Công ty cổ phần KCN Sài Gòn – Bắc Giang và Công ty TNHH công nghệ chính xác FuYu;

Căn cứ Biên bản thỏa thuận điểm đấu nối Hạ tầng kỹ thuật ngày 17/08/2020 của Công ty cổ phần KCN Sài Gòn – Bắc Giang và Công ty TNHH Công nghệ chính xác FuYu.

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-KCN ngày 26/12/2019, Quyết định số 58/QĐ-KCN ngày 27/08/2020 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang về việc Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Nhà máy công nghệ chính xác FuYu tại lô F, lô M – Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (lần 2) Dự án Nhà máy công nghệ chính xác FuYu tại Lô F, lô M, khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, bao gồm các nội dung sau:

1. Tên dự án:

Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (lần 2) Dự án Nhà máy công nghệ chính xác FuYu.

2. Vị trí điều chỉnh

Vị trí dự án không thay đổi so với đồ án đã phê duyệt, thuộc tại Lô F, lô M, khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Quy mô điều chỉnh (không thay đổi so với đồ án đã được phê duyệt)

• Đồ án đã được phê duyệt và điều chỉnh lần này:

- Diện tích lập quy hoạch chi tiết khoảng: 261.026,0 m²
- Trong đó :
 - + Lô F diện tích khoảng: 140.560,0m²
 - + Lô M diện tích khoảng: 120.466,0m²
- Nguồn lao động:
 - + Số lao động dự kiến khoảng: 22.500 lao động/ca làm việc, dự kiến 2 ca làm việc/ngày.
 - + Đối tượng lao động bao gồm: công nhân, cán bộ, chuyên gia, và quản lý trong và ngoài nước.

4. Tính chất và chức năng:

- Chức năng chính của đồ án điều chỉnh không thay đổi so với đồ án quy hoạch đã được phê duyệt;

- Là nhà máy điện tử với dây chuyền công nghệ hiện đại. Có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thân thiện với môi trường. Khớp nối đồng bộ với hạ tầng các dự án liền kề; tuân thủ theo các tiêu chuẩn hiện hành.

5. Mục tiêu:

- Cụ thể quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Quang Châu tỷ lệ 1/2000, huyện Việt Yên, thành phố Bắc Giang đã được phê duyệt theo Quyết định số 1391/QĐ-BXD ngày 09/10/2006 của Bộ Xây dựng; Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Quang Châu, tỉnh Bắc Giang tỷ lệ 1/2000 (lần thứ 6) đã được phê duyệt tại quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Xây dựng nhà máy sản xuất điện tử với dây chuyền công nghệ đồng bộ, hiện đại, cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu, tạo công ăn việc làm cho lao động tại địa phương và các tỉnh lân cận, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang nói riêng và ngoài tỉnh nói chung.

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo hướng sử dụng đất tiết kiệm, phát huy giá trị quỹ đất, xác định quy mô các khu chức năng đảm bảo phù hợp; Làm cơ sở phục vụ công tác quản lý quy hoạch, quản lý hoạt động xây dựng, quản lý đất đai trên địa bàn.

- Cải tạo cảnh quan khu vực công nghiệp đẹp hơn, môi trường trong sạch hơn.

- Nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 làm cơ sở để triển khai lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án.

6. Nội dung điều chỉnh chính

Đối với lô F

- Khu vực xây dựng các nhà phụ trợ và kho F08, F09A, F09B, F18B: Tổ chức thêm các dải cây xanh xung quanh, tăng cường tỷ lệ cây xanh xung quanh.
- Cân đối lại các vị trí của cây xanh, bãi đỗ xe cho phù hợp và hiệu quả.

Đối với lô M

- Điều chỉnh gộp công trình nhà xưởng M10A và nhà xưởng M10B thành 01 công trình nhà xưởng M10.
- Điều chỉnh bổ sung công trình Nhà xe 3 tầng M15 vào vị trí cây xanh và bãi đỗ xe ngoài trời ở đồ án đã phê duyệt, gắn công vào phía Nam của lô M.
- Điều chỉnh chức năng công trình M13 nhà bảo dưỡng xe nâng thành nhà trực lái xe.
- Bổ sung nhà cầu nối nhà xưởng M10 với nhà xe 3 tầng M15; nhà cầu nối văn phòng tổng hợp M3 với nhà xưởng M09A.
- Các công trình phụ trợ ở đồ án đã được phê duyệt là M05 và M06 được mở rộng diện tích.
- Công trình Kho hóa chất, chất thải nguy hại M07 được điều chỉnh tách thành nhà M07A và M07B, tổng 02 nhà này đã được tăng diện tích sử dụng so với đồ án đã được phê duyệt.
- Khu vực xây dựng nhà xe M15 và nhà kho M11: Tổ chức thêm các dải cây xanh xung quanh, tăng cường tỷ lệ cây xanh xung quanh.
- Cân đối lại các vị trí của cây xanh, bãi đỗ xe cho phù hợp và hiệu quả.

7. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

❖ Các hạng mục công trình dự kiến:

- Hạng mục nhà xưởng, kho:
 - + Nhà xưởng loại C
 - + Nhà kho tổng, kho hóa chất, kho phế liệu
 - + Trạm năng lượng
 - + Trung tâm thu phát
 - + Bể dầu ngầm, trạm bơm
- Các hạng mục phụ trợ:
 - + Tòa tổng hợp
 - + Nhà ăn
 - + Nhà xe
 - + Văn phòng tổng hợp, nhà xưởng và nhà ăn
 - + Nhà bảo vệ
 - + Hệ thống cây xanh
 - + Nhà bảo vệ nhà rác trạm bảo dưỡng xe nâng

- Bảng cơ cấu sử dụng đất:

- Bảng cơ cấu so sánh sử dụng đất theo phương án cơ cấu sử dụng đất đã được phê duyệt tại quyết định số 87/QĐ-KCN ngày 26/12/2019 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang và phương án cơ cấu sử dụng đất điều chỉnh quy hoạch.

STT	Hạng mục	Theo QH đã được phê duyệt tại 58/QĐ-KCN ngày 27/08/2020 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang		Theo điều chỉnh quy hoạch lần này		Chênh lệch (m ²)
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
	Tổng diện tích lập quy hoạch	261.026,0	100,0	261.026,0	100,0	0,0
1	Đất xây dựng các hạng mục công trình	135.835,6	52,1	140.322,4	53,8	4.486,8
	Nhà xưởng, kho	117.928,4	45,2	118.478,4	45,4	550,0
	Các công trình phụ trợ	17.907,2	6,9	21.844,0	8,4	3.936,8
2	Đất cây xanh	53.815,2	20,6	52.661,1	20,2	-1.154,1
3	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	3.309,8	1,3	3.309,8	1,3	0,0
4	Đất giao thông (Sân đường +bãi đỗ xe)	68.065,6	26,0	64.732,7	24,7	-3.332,9

- Bảng danh mục sử dụng đất điều chỉnh quy hoạch:

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích(m2)	Tầng cao (tầng)
	Tổng diện tích đất lập quy hoạch		261.026,00	
I	Các hạng mục nhà xưởng, kho		118.478,40	
I.1	LÔ F		58.528,40	
	Nhà xưởng loại C	F02A	6.080,00	3
	Nhà xưởng loại C	F02B	2.188,80	3
	Nhà xưởng loại C	F06A	6.080,00	3
	Nhà xưởng loại C	F06B	2.188,80	3
	Nhà xưởng loại C	F07A	6.080,00	3
	Nhà xưởng loại C	F07B	2.188,80	3
	Nhà xưởng loại C	F12A	2.188,80	3
	Nhà xưởng loại C	F12B	6.080,00	3
	Nhà xưởng loại C	F16A	2.188,80	3
	Nhà xưởng loại C	F16B	6.080,00	3
	Nhà xưởng loại C	F17A	2.188,80	3
	Nhà xưởng loại C	F17B	6.080,00	3
	Nhà kho loại C	F05	2.132,80	3
	Nhà kho loại C	F13	2.132,80	3
	Trạm năng lượng	F03	1.240,00	3
	Trạm năng lượng	F15	1.240,00	3
	Kho phế liệu, nhà rác	F08	630,00	1
	Kho hóa chất, CTNH	F09A	600,00	1
	Kho hóa chất, CTNH	F09B	520,00	1
	Trung tâm thu phát	F18A	252,00	1
	Trung tâm thu phát	F18B	168,00	1
I.2	LÔ M		59.950,00	
	Nhà xưởng loại C	M08A	8.160,00	3
	Nhà xưởng loại C	M08B	8.160,00	3
	Nhà xưởng loại C	M09A	3.024,00	3
	Nhà xưởng loại C	M09B	8.400,00	3
	Nhà xưởng loại C	M10	11.424,00	3
	Nhà kho loại C	M11	19.032,00	2
	Kho hóa chất, CTNH	M07A	599,90	1
	Kho hóa chất, CTNH	M07B	520,10	1
	Kho phế liệu, nhà rác	M06	630,00	1
II	Các hạng mục phụ trợ		21.843,95	
II.1	LÔ F		13.935,15	
	Tòa tổng hợp	F01	4.999,24	5
	Nhà ăn	F10	5.472,66	3
	Nhà bảo vệ (5 nhà)	F23	90,00	1
	Nhà xe	F19	990,00	3
	Nhà xe	F20	990,00	3
	Nhà xe	F21	990,00	3
	Nhà chứa ga	F11A	52,50	1

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích(m ²)	Tầng cao (tầng)
	Trạm ni tơ	F11B	350,75	-
II.2	LÔ M		7.908,80	
	Văn phòng tổng hợp, nhà xưởng và nhà ăn	M03	3.674,00	3
	Nhà bảo vệ (3 nhà)	M12	54,00	1
	Nhà rác	M05	469,00	1
	Nhà trực lái xe	M13	64,00	1
	Nhà xe	M15	3.647,80	3
III	Đất hạ tầng kỹ thuật		3.309,75	
	Bể dầu ngầm, phòng bơm	F22	72,25	1
	Trạm XLNT	M01	2.337,50	2
	Trạm bơm, bể nước ngầm	M02	900,00	1
IV	Đất cây xanh		52.661,10	
	Đất cây xanh cảnh quan + TDDT		52.661,10	
V	Đất giao thông (Sân đường + bãi đỗ xe)		64.732,70	

Ngoài ra bố trí thêm hệ thống hành lang cầu dành cho các hoạt động đi bộ của công nhân và chuyên gia liên kết các khối nhà xưởng đảm bảo sự thuận tiện và an toàn đi lại. Hành lang cầu bố trí từ tầng 2 của các khối nhà với diện tích khoảng 2.012,98 m², 1 tầng có mái che.

❖ Các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng lô đất:

- Diện tích khu đất : 261.026,0m².
- + Trong đó: Diện tích lô F : 140.560,0 m².
- Diện tích lô M : 120.466,0 m².
- Đất xây dựng công trình khoảng : 140.322,4m²;
(Nhà xưởng, kho và các công trình phụ trợ)
- Đất cây xanh : 52.661,1m²;
- Đất đầu mối HTKT : 3.309,8m²;
- Đất sân đường giao thông : 64.732,7m²;
- Mật độ xây dựng công trình : 55%;
- Diện tích sàn xây dựng khoảng : 385.971,34 m²;
- Hệ số sử dụng đất : 1,46 lần;
- Tầng cao : 1-5 tầng.

8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Quy hoạch giao thông:

*** Giao thông đối ngoại:**

- Tuyến đường phía Nam dự án theo QH phân khu được bố trí 04 làn xe, quy mô mặt cắt 32m. Bề rộng lòng đường: B=16m; dải phân cách giữa B=4m; bề rộng hè đường: 2x6=12 m.

- Tuyến đường các phía còn lại của dự án có quy mô mặt cắt B=22,5m; lòng đường 5,5m x 2 bên, vỉa hè 6,0m x 2 bên.

*** Giao thông trong nhà máy**

- Độ cao khống chế mặt đường lấy theo cốt khống chế chuẩn bị kỹ thuật đã thiết kế, điểm khống chế lấy theo mốc khống chế trong san nền.

- Với tính chất là đường nội bộ trong nhà máy may, bố trí mạng lưới giao thông đảm bảo khả năng kết nối các khu chức năng, đấu nối phù hợp với hiện trạng và định hướng quy hoạch các tuyến đường trong khu vực.

- Các tuyến đường nội bộ được thiết kế để kết nối dễ dàng với các tuyến đường hiện trạng thiết kế theo quy hoạch phân khu. Các tuyến đường thiết kế theo trục Bắc Nam, Tây sang đông sẽ kết nối được tất cả các khu vực trong nhà máy.

- Xác định mặt cắt ngang đường dựa trên lưu lượng bản thân và lưu lượng chuyển qua mạng lưới đường giao thông nội bộ:

- + Mặt cắt 1-1: đường nội bộ của nhà máy; Lòng đường 8,0m, bao quanh tất cả các phân xưởng, các khu chức năng và đấu nối với các tuyến đường bên ngoài nhà máy;

- + Mặt cắt 2-2: đường trục chính của nhà máy; Lòng đường 13,0m, kết nối các phân xưởng và đấu nối với các tuyến đường bên ngoài nhà máy.

- + Mặt cắt 2A-2A, 2B-2B, 2C-2C: đường trục chính của nhà máy; Lòng đường 8,5m, kết nối các phân xưởng và đấu nối với các tuyến đường bên ngoài nhà máy.

- + Mặt cắt 3-3: đường nội bộ nhà máy; Lòng đường 11m.

- + Mặt cắt 4-4: đường nội bộ nhà máy; Lòng đường 6,0m.

- + Mặt cắt 5-5: đường nội bộ nhà máy; Lòng đường 10,5m.

- Đường giao thông nội bộ đảm bảo các phương tiện lưu thông thuận tiện, xác định bán kính cong tại nút giao thông và vát góc vỉa hè đảm bảo tầm nhìn các phương tiện khi vào nút.

- Thiết kế bãi đỗ xe tại vị trí lõi vào trung tâm. Hệ thống cổng ra vào được bố trí phù hợp với dây chuyền hoạt động.

- Xác định tọa độ định vị tim đường làm cơ sở triển khai các bước thiết kế tiếp theo.

- Thiết kế áo đường: Tuỳ thuộc vào chức năng cũng như ý nghĩa của từng tuyến đường, kết cấu áo đường trong nhà máy được tính toán trong giai đoạn lập TKCS và Dự án ĐTXD.

8.2. Quy hoạch san nền và thoát nước mưa:

* San nền:

- Cập nhật cao độ tuyến trục giao thông xung quanh dự án có cao độ giáp ranh nhà máy từ +4,20m đến +4,30m.

- Phù hợp với cao độ tuyến trục giao thông Khu Công nghiệp Quang Châu xung quanh dự án dao động từ +4,20 đến +4,30m.

- Cao độ san nền khu quy hoạch: $H_{min}=+4,30m$; $H_{max}=+4,45m$.

* Thoát nước mưa:

- Sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoạt động với chế độ tự chảy, với độ dốc tối thiểu 1/D để giảm chiều sâu chôn cống.

- Bố trí các công thoát nước mưa có kích thước B600, D600, D750mm dọc các trục giao thông thoát nước hệ thống cống dọc bao quanh bên ngoài.
- Nước mưa các khu vực được thu gom tuần tự từ rãnh thoát nước công trình ra các tuyến công nhánh (trong các nhà xưởng sản xuất), sau đó thoát vào các tuyến chính để đầu nối vào hệ thống cống thoát nước mưa bên ngoài D600-D750 hiện có bao quanh dự án.
- Kết cấu cống: Sử dụng các loại kết cấu như: Cống BTCT & công xây nắp đan.
- Rãnh nắp đan: Được sử dụng trong các khu vực trước các nhà xưởng ở vị trí cấp hàng do cao độ mặt đường hạ xuống sâu.
- Cống ngang qua đường D300, độ dốc ngang $i=1-2\%$
- Mạng lưới thoát nước mưa được đầu nối ra ngoài dự án tại 7 vị trí đầu nối phù hợp.
- + Độ sâu chôn cống: Đối với cống tròn đặt trên vỉa hè, khoảng cách đứng từ mặt hè đến đỉnh cống lớn hơn hoặc bằng 0,3 m; đối với cống đặt dưới lòng đường, khoảng cách đứng từ mặt đường đến đỉnh cống phải lớn hơn chiều dày kết cấu áo đường $\geq 0.5m$.

8.3. Quy hoạch cấp nước:

Nước cấp từ đường ống cấp nước hiện có D250 chạy giữa lô F và M1 thuộc nhà máy nước khu công nghiệp Quang Châu

- Sử dụng nguồn nước sạch, chuyên tải bằng tuyến ống HDPE đưa nước về khu vực QH.

Nhu cầu tiêu thụ nước trong ngày dùng nước cao nhất tại dự án lập quy hoạch cần cấp nước một lượng nước là khoảng: 3800 m³/ng đêm.

Mạng lưới cấp nước:

Phương án cấp nước: Thiết kế mạng vòng khép kín kết hợp giữa nước sinh hoạt, sản xuất và chữa cháy.

Ống đầu nối khởi thủy Ø200 đầu nối vào trạm bơm bể chứa tập trung của dự án.

Xây dựng hệ thống bể chứa cấp nước dự trữ 3800m³

8.4. Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng:

- Nguồn cấp điện cho các phụ tải dự án dự kiến lấy từ cột điện C27 & C28 mạch kép 475/477 E7.18 chạy dọc đường giữa 2 lô F, M đến.

- Từ đường dây không mạch kép đầu 04 lộ đường dây cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 24kV cấp đến các tủ trung thế RMU đặt tại các vị trí trung tâm tại lô F & M. Từ các tủ trung thế này cấp đến các trạm biến áp đặt tại các nhà xưởng. (Điều chỉnh so với hồ sơ QH 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 58/QĐ-KCN ngày 27/8/2020 là đầu 03 lộ đường dây cáp ngầm trung thế 24kV).

- Cấp điện chiếu sáng công cộng không thay đổi so với hồ sơ QH đã được phê duyệt tại Quyết định số 58/QĐ-KCN ngày 27/8/2020, chỉ cập nhật theo mặt bằng sử dụng đất điều chỉnh.

8.5. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin liên lạc không thay đổi so với hồ sơ QH đã được phê duyệt tại Quyết định số 58/QĐ-KCN ngày 27/8/2020, chỉ cập nhật theo mặt bằng sử dụng đất điều chỉnh.

8.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn

Xử lý nước thải của nhà máy may là xử lý nước thải từ các nguồn sau:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động vệ sinh, ăn uống của công nhân viên

+ Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất gần như không đáng kể, nước thải sản xuất sẽ được thu gom cục bộ và chở đi xử lý riêng.

Do dự án nằm trong khu công nghiệp Quang Châu, nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn loại B theo QCVN 40:2011/BTNMT sẽ được dẫn về đường ống thoát nước thải hiện có của KCN Quang Châu tại hai điểm để dẫn về trạm xử lý tập trung của dự án KCN Quang Châu, sau xử lý phải đảm bảo chất lượng nước đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT/Cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt lấy bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước

Tổng công suất trạm xử lý nước thải Q=2.600 (m³/ngđ)

Nước thải từ các khu nhà xưởng, công trình công cộng & dịch vụ sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được thoát vào đường cống thu gom của từng nhóm, từng khu bằng cống D300, D400 sau đó thoát vào cống chính đưa về trạm xử lý nước thải.

Nước thải được thu gom theo nguyên tắc tự chảy, độ sâu chôn cống tính tới đỉnh cống tối thiểu 0,3m (dưới hè, cây xanh).

8.7. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến

HTKT:

- Chỉ giới đường đỏ được xác định trên cơ sở tọa độ tim đường, mặt cắt ngang điển hình và các yếu tố kỹ thuật không chế ghi trực tiếp trên bản vẽ.

- Chỉ giới xây dựng được xác định để đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và kiến trúc cảnh quan; chỉ giới xây dựng cụ thể của từng công trình được xác định theo cấp đường quy hoạch theo quy định của QCXD Việt Nam.

- Hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật: Tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn quy phạm ngành và Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

8.8. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Khi triển khai lập dự án đầu tư, Chủ đầu tư sẽ lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị

định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Các phương án bảo vệ môi trường đối với Dự án sẽ được chi tiết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 2: Công ty TNHH Công nghệ chính xác FUYU có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Các phòng: QL Đầu tư, QL Tài nguyên và Môi trường, QL Doanh nghiệp, QL Lao động, Đại diện, Văn phòng thuộc Ban quản lý các KCN Bắc Giang, Công ty TNHH Công nghệ chính xác FUYU và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- Lãnh đạo ban;
- Công ty CP KCN Sài Gòn-Bắc Giang;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Như Long